

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày: 31/10/2019

V/V: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST- DS ngày 14/8/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Xuân Chan**, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã Tr, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Chị **Bùi Thị Thúy H**, sinh năm 1984 .

(Chị H ủy quyền cho anh Q tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Khu 3, xã Tr, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án anh Trần Xuân Chan trình bày:

Ngày 04/5/2013 anh cho vợ chồng anh Q chị H vay số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*). Lãi suất thỏa thuận bằng lời nói theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm của khoản vay là 1%/ 1 tháng. Khi vay tiền, anh Q chị H đều ký vào giấy vay tiền và nhận tiền của anh đầy đủ. Khi nào lấy tiền, anh sẽ thông báo trước 30 ngày. Tuy nhiên, anh đã nhiều lần thông báo cho anh Q chị H đề nghị trả tiền, nhưng từ khi vay đến nay anh Q chị H chưa trả cho anh khoản gốc và lãi nào. Nay anh đề nghị tòa án buộc anh Q, chị H trả khoản gốc trên cho anh, lãi suất tính bằng lãi suất cơ bản của

Ngân hàng nhà nước là 0,75%/ tháng, từ thời điểm vay đến ngày xét xử. Cụ thể tiền lãi là: $300.000.000đ \times 0,75\% \times 6 \text{ năm } 5 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 175.275.000đ$.

Tổng cộng anh yêu cầu buộc anh Q chị H có trách nhiệm trả cho anh số tiền gốc và lãi là: 475.275.000đ.

Trong bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án anh Nguyễn Hồng Q trình bày:

Trong quá trình tòa án giải quyết, chị H là vợ ủy quyền cho anh Q tham gia tố tụng tại tòa án. Trong bản tự khai anh Q xác định anh và chị H có vay các khoản tiền như anh Ch trình bày, mục đích để phát triển trang trại. Tuy nhiên những khoản tiền này là vay lãi cao có khoản cộng gộp vào gốc, tuy nhiên anh không có tài liệu chứng minh. Ngày 09/10/2019 Tòa án tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải anh Q nhất trí các khoản vay như anh Ch trình bày như trên, số tiền là 300.000.000đ, lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm của các khoản vay. Kể từ đó cho đến nay anh chị chưa trả cho anh Ch khoản gốc và lãi nào. Nay anh Ch khởi kiện anh nhất trí trả khoản gốc trên, lãi suất tính bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 0,75%/ tháng. Tòa án đã lập biên bản Hòa giải thành vào ngày 09/10/2019.

Tuy nhiên ngày 11/10/2019 anh Q, chị H thay đổi ý kiến trong biên bản Hòa giải thành xác định vợ chồng anh chỉ vay anh Ch 50.000.000đ, còn giấy vay nợ đã ký là do gốc cộng vào lãi, không vay đến khoản 300.000.000đ trên. Nay anh, chị chỉ nhất trí khoản 50.000.000đ, mức lãi suất đã thỏa thuận là 0,75%/ tháng. Việc anh, chị ký vào giấy vay nợ không là do tin tưởng, anh, chị thừa nhận chữ ký trong các giấy vay nợ là đúng là của anh và chị. Tuy nhiên anh chị không có tài liệu chứng minh, anh chị đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh Q do bận công việc nên không đến tham gia phiên tòa được, anh có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt anh. HĐXX căn cứ vào Khoản 1, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về áp dụng pháp luật: Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Hợp đồng dân sự này được thực hiện trước ngày Bộ luật 2015 có hiệu lực pháp luật. Giao dịch vay nợ giữa anh Ch, anh Q chị H diễn ra vào năm 2013, thời điểm này Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên giao dịch này đang thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của BLDS 2015, do đó HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

3. Về nội dung vụ án:

[1] Ngày 04/5/2013 anh Trần Xuân Chan có cho vợ chồng anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1980 và vợ là chị Bùi Thị Thúy H, sinh năm 1984 vay số tiền 300.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói, lãi suất bằng lãi suất Ngân hàng cho vay tại thời điểm là 1%/1 tháng. Khoản tiền trên anh Q chị H chưa trả cho anh khoản gốc và lãi, nay anh yêu cầu anh Q chị H phải trả cho anh 300.000.000đ gốc và lãi suất tính từ 4/5/2013 đến ngày xét xử, anh Ch yêu cầu tính lãi 0,75%/1 tháng.

Anh Q chị H xác định vợ chồng anh chị có vay tiền anh Ch, tại buổi hòa giải ngày 09/10/2019 anh Q thừa nhận số tiền vay như anh Ch trình bày là đúng, anh chị đã nhất trí trả số tiền gốc và lãi là 473.625.000đ, tòa án đã lập biên bản Hòa giải thành. Tuy nhiên sau đó anh Q chị H đã thay đổi lời khai, không thừa nhận số tiền nợ gốc là 300.000.000đ mà chỉ thừa nhận nợ anh Ch số tiền 50.000.000đ. Anh Q chị H thừa nhận chữ ký trong giấy biên nhận tiền là do mình ký ra, tuy nhiên anh Q chị H cho rằng mình đã ký không vào giấy biên nhận tiền trên do tin tưởng.

HĐXX thấy rằng: Việc anh Ch, anh Q chị H thỏa thuận vay số tiền 300.000.000đ có giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói, giấy vay nợ viết tay, không công chứng hay chứng thực. Đây là một hợp đồng vay tài sản, là một giao dịch đúng quy định pháp luật. Việc anh Ch, anh Q chị H thỏa thuận vay số tiền 300.000.000đ, giấy vay tiền bên vay là anh Q chị H có ký ghi rõ họ tên. Không thỏa thuận lãi suất, giấy vay tiền viết tay, không công chứng hay chứng thực, không ghi kỳ hạn trả nợ. Căn cứ vào Điều 463, 469 BLDS 2015 đây là một hợp đồng vay tài sản, loại hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi là một giao dịch đúng quy định pháp luật.

Hơn nữa trong bản tự khai, trong biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, anh Q thừa nhận các khoản vay trên. Tòa án đã lập Biên bản Hòa giải thành ngày 09/10/2019 do các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Nay anh Ch yêu cầu anh Q chị H khoản nợ trên là hoàn toàn đúng.

Việc anh Q trình bày vợ chồng anh chỉ vay anh Ch 50.000.000đ, còn giấy vay nợ đã ký là do gốc cộng vào lãi, không vay đến khoản 300.000.000đ trên, nay anh, chị chỉ nhất trí khoản 50.000.000đ với lãi suất 0,75%. Việc anh, chị H ký vào giấy vay nợ không là do tin tưởng anh Ch là anh em họ hàng; anh, chị thừa nhận chữ ký trong các giấy vay nợ là đúng là của vợ chồng anh.

HĐXX thấy rằng lời trình bày của anh Q và chị H không có cơ sở bởi lẽ, khi giao dịch anh và chị H đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, giấy vay tiền đều thể hiện nội dung rõ ràng về số tiền cho vay, dưới mục người vay đều có chữ ký xác nhận của vợ chồng anh chị. Điều đó thể hiện ý chí của người vay và người cho vay là thỏa thuận bình đẳng. Anh Q khai là khoản vay này do lãi suất cao cộng gộp thành tiền gốc tuy nhiên cũng không đưa ra được căn cứ nào thể hiện vấn đề này.

Vì vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ch xử buộc anh Q chị H phải trả

khoản tiền gốc 300.000.000đ là phù hợp.

[2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Trong giấy vay tiền không ghi mức lãi suất cụ thể, tuy nhiên anh Ch, anh Q chỉ H thừa nhận khoản vay này thỏa thuận tính lãi suất bằng lời nói theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay là 1%/1 tháng. Hiện tại anh Ch, anh Q chỉ H thống nhất lãi suất của khoản vay là 0,75%/1 tháng, thời điểm tính lãi từ ngày 04/5/2013 đến ngày xét xử là 6 năm 5 tháng 27 ngày. Căn cứ Điều 468 BLDS 2015; Điểm a, Khoản 3, Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, đây là mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy HĐXX chấp nhận mức lãi suất này là phù hợp.

Do đó tiền lãi là: $300.000.000đ \times 0,75\% \times 6 \text{ năm } 5 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 175.275.000đ$.

Tổng cộng gốc và lãi là: $300.000.000đ + 175.275.000đ = 475.275.000đ$ (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Anh Q, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Ch.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điều 273; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng: Điều 357, Điều 463; Khoản 1, Điều 466; Điều 468, 469, Điều 688; Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Xuân Chan.

2. Xử buộc anh Nguyễn Hồng Q, chị Bùi Thị Thúy H phải trả cho anh Trần Xuân Chan số tiền gốc 300.000.000đ và số tiền lãi là 175.275.000đ. Tổng cộng 475.275.000đ (bốn trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hồng Q, chị Bùi Thị Thúy H phải chịu 23.011.000đ (*hai mươi ba triệu không trăm mười một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Trần Xuân Chan số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2017/0001600, ngày 14/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để xét xử phúc thẩm; Bị đơn sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã Tr
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú